

Bản án số: **187/2023/DS-ST**
Ngày: 05/9/2023
V/v: “*Tranh chấp quyền về lối đi qua*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hôn.

2. Bà Dương Thị Mỹ Trân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp quyền về lối đi qua*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2019/QĐST-DS, ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Diệp Thị Kim H, sinh năm 1977

Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 344/70 ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Diệp Thị Kim H, sinh năm 1980.

Ông Võ Văn K, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 347/70 ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Đặng Thị C, sinh năm 1948.

Địa chỉ: ấp T, xã Li, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Diệp Thị Kim Đ, sinh năm 1970.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 95B ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ngUđơn bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T:

Ông Sử Văn N, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản ủy quyền ngày /2023.

2.Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1968.

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Thu P:

Ông Lê Văn M, sinh năm 1944.

Địa chỉ: số 9, đường N, phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Theo văn bản ủy quyền ngày 17/02/2023.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông N và ông M có mặt.

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp và tại phiên tòa sơ thẩm, ngUđơn, người đại diện theo ủy quyền của ngUđơn bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T có lời trình bày:

Bà Diệp thị Kim Đ và ông Nguyễn Văn T là chủ sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.403,0m², tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Bà Diệp Thị Kim huyện C và ông Nguyễn Hoàng T là chủ sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.669,1m², tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Bà Diệp Thị Kim H và ông Võ Văn K là chủ sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 28, diện tích 980,3m², tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Bà Đặng Thị C và ông Diệp Văn D (đã chết) là chủ sử dụng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28, diện tích 980,1m², tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Các thửa đất như đã nêu trên của ngUđơn bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề như sau:

+ Bắc giáp rạch công cộng;

+ Nam giáp thửa 41 của Nguyễn Văn P và thửa 42 của Đỗ Thị Ngọc T;

+ Đông giáp thửa 15 của Nguyễn Thị Ngọc P và thửa 43 của Nguyễn Thanh S;

+ Tây giáp thửa 426 và thửa 602 của bà Phòng Thị C;

Từ những thửa đất của nguyên đơn, để đi ra đến lối đi công cộng phải sử dụng lối đi có chiều dài khoảng 16 m, chiều rộng khoảng 01m thuộc thửa đất số

15, tờ bản đồ số 28, diện tích 832,4m² của bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B. Lối đi này hình thành từ khoảng 1975, gia đình nguyên đơn sử dụng ổn định, không xảy ra tranh chấp. Vì lối đi này có nguồn gốc từ đất ông bà của nguyên đơn và bị đơn.

Đến năm 2022 thì việc sử dụng lối đi này bắt đầu xảy ra tranh chấp, phía bà Phụng làm hàng rào dọc theo thửa đất 15, chỉ chừa lại chiều rộng 30 - 40 cm cấp sát mé rạch, bị sặc lở. Phía nguyên đơn đã rất nhiều lần thương lượng mở lại lối đi như trước với bà Phụng nhưng không đạt kết quả, thậm chí nguyên đơn còn yêu cầu cho bồi đắp, kê lấn sang méo rạch để tạo lối đi nhưng bà Phụng vẫn không đồng ý.

Nay nguyên đơn yêu cầu giải quyết như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B phải mở cho bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ và ông Nguyễn Văn T một lối đi có chiều rộng **một đầu khoảng 2,31m, một đầu khoảng 1,99m, chiều dài khoảng 17 mét**, chiều cao 04 mét thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 28, tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (do bà P, ông B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Vị trí lối đi yêu cầu mở có tính từ sát mép rạch trở vào thửa đất 15.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B phải mở tháo dỡ hàng rào lưới B40 có trên phần lối đi tranh chấp thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 28, tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (do bà P, ông B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

NgĐơn đồng ý bồi thường cho bị đơn giá trị QSD đất của phần đất mở lối đi và đồng ý hỗ trợ chi phí di dời hàng rào cho bị đơn 5000.000đồng.

Trong văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải, biên bản phiên họp người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Thu P có lời trình bày:

Ngày 16/7/2015 Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre có cấp giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B tại thửa đất số 15, tờ bản đồ 28, diện tích sử dụng 832,4m² tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Theo sơ đồ thửa đất trong giấy chứng nhận QSD đất có số phát hành CB 058188 thì không có lối đi cho các ngĐơn. Tuy nhiên, thực tế đã từ lâu phía bị đơn đã cho các nguyên đơn sử dụng lối đi ra đường công cộng có chiều ngang khoảng 01m, chiều dài 17m, đây là lối đi duy nhất để vào đất của nguyên đơn, ngoài ra nguyên đơn không còn lối đi nào khác. Nay phía nguyên đơn muốn có lối đi rộng hơn (chiều ngang khoảng 02m) thì đề nghị phía nguyên đơn be đất dài theo mé rạch để mở rộng lối đi, vì lối đi hiện tại có bị sặc lở và khi nước lên cũng có bị ngập. Phía bị đơn thì không đồng ý di dời hàng rào bằng lưới B40 sụt vô trong để chừa lối đi cho nguyên đơn chiều ngang khoảng 02m. Nếu mở lối đi khác nguyên đơn phải bồi thường chi phí di dời hàng rào 5000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cphát biểu:

+ Thẩm phán thụ lý, giải quyết, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B phải mở lối đi có bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ và ông Nguyễn Văn T một lối đi có chiều rộng **2,31m và 1,99m, chiều dài 16,33 và 16,72m**, chiều cao 04 mét thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 28, tọa lạc ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre (do bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất).

Buộc bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B phải đập bỏ, tháo dỡ, di dời hàng rào có trên phần lối đi được mở; hàng rào có kết cấu trụ bê tông cốt thép, xây tường lũy cao $\leq 0,8m$, phía trên kéo lưới B40, hàng rào có chiều dài 16,33m (cạnh phía Bắc) + 01m (cạnh phía Đông) + 1m (cạnh phía Tây), chiều cao 1,8m.

Nguyên đơn phải bồi thường cho bị đơn giá trị quyền sử dụng đất và giá trị hàng rào trên đất mở lối đi và chi phí di dời hàng rào 5000.000đồng.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B phải mở lối đi có bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ và ông Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Tranh chấp quyền về lối đi qua*” với bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B đây là loại tranh chấp được quy định tại theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự. Các đương sự và phần lối đi đang tranh chấp đều có địa chỉ thuộc huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có ủy quyền bằng văn bản hợp lệ cho người khác tham gia tố tụng vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo nguyên đơn, bà Diệp thị Kim Đ và ông Nguyễn Văn T là chủ sử dụng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 28; bà Diệp Thị Kim

huyện C và ông Nguyễn Hoàng T là chủ sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 28; bà Diệp Thị Kim H và ông Võ Văn K là chủ sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 28; bà Đặng Thị C và ông Diệp Văn D (đã chết) là chủ sử dụng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 28. Các phần đất này đều nằm phía trong phần đất của bị đơn. Để ra đến lộ công cộng thì nguyên đơn phải đi trên lối đi qua phần đất bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B (thửa đất số 15). Lối đi này được hình thành từ khoảng năm 1975. Hiện trạng lối đi này là đường đất, sát mép rạch công cộng, chiều ngang khoảng 01m, chiều dài khoảng 17m. Ngoài lối đi này nguyên đơn không còn lối đi nào khác để ra đến lộ công cộng.

Từ khi hình thành thì việc sử dụng là ổn định, cho đến năm 2022 thì việc sử dụng lối đi này bắt đầu xảy ra tranh chấp, phía bà P làm hàng rào dọc theo thửa đất 15, chỉ chừa lại chiều rộng 30 - 40 cm cặp sát mé rạch, nhiều đoạn bị sạt lở nghiêm trọng, không còn đất liền, các nguyên đơn phải dùng ván làm cầu để đi gây khó khăn cho việc đi lại của nguyên đơn. Chính vì vậy mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn mở rộng lối đi.

Phía bị đơn cho rằng vẫn cho nguyên đơn sử dụng lối đi ổn định có chiều ngang khoảng 01m, dài khoảng 17m. Mục đích của việc làm hàng rào là để bảo vệ tài sản chứ không nhằm cản trở việc đi lại của nguyên đơn. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn chỉ đồng ý cho nguyên đơn sử dụng lối đi như hiện trạng, không đồng ý mở rộng thêm theo yêu cầu của các nguyên đơn. Phía nguyên đơn muốn có lối đi rộng hơn (chiều ngang hơn 02m) thì đề nghị phía nguyên đơn be đất cặp theo mé rạch để mở rộng lối đi, vì lối đi hiện tại có bị sạt lở và khi nước lên cũng có bị ngập.

[3] Xét yêu cầu mở lối đi Hội đồng xét xử thấy rằng, lối đi đang tranh chấp có chiều rộng 0,99m và 1,31m là hẹp, trong khi đó hiện trạng lối đi là cặp theo mép rạch, nhiều đoạn đã bị sạt lở, ngập nước... gây khó khăn trong việc đi lại và vận chuyển hàng hóa nên việc mở rộng là cần thiết. Lý do mà bị đơn đưa ra là không phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân địa phương trong việc sử dụng lối đi, lối đi không chỉ là để đi lại mà còn phải đảm bảo cho việc vận chuyển, buôn bán hàng hóa phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu mở lối đi rộng **2,31m và 1,99m, chiều dài 16,33 và 16,72m** là xuất phát từ nhu cầu cần có lối đi thuận tiện, hợp lý nhất và việc mở rộng lối đi không gây thiệt hại lớn cho bất động sản có mở lối đi nên cần được chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B phải mở cho nguyên đơn có một lối đi có diện tích 35,1m² (15 tách 1 và 15 tách 2) thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 28 (do bà P, ông B đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 05/4/2023 và Sơ đồ mô tả kết quả đo đạc ngày 15/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trên phần lối đi này có hàng rào có kết cấu trụ bê tông cốt thép, xây tường lũy cao $\leq 0,8\text{m}$, phía trên kéo lưới B40, hàng rào có chiều dài 16,33m (cạnh phía Bắc) + 01m (cạnh phía Đông) + 1m (cạnh phía Tây), chiều cao 1,8m. Buộc bà

Phượng, ông Bền có nghĩa đập bỏ, tháo dỡ, di dời hàng rào nêu trên ra khỏi phần lối đi này.

[4] Về bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: Do nguyên đơn sử dụng phần đất của bị đơn làm lối đi đã làm hạn chế quyền sử dụng đất của bị đơn nên phải có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị đất tại phần yêu cầu mở lối đi cho bị đơn là bà P, ông B.

Giá trị quyền sử dụng đất được tính như sau: $35,1m^2 \times 2.000.000\text{đồng}/m^2 = 70.200.000\text{đồng}$ (Bảy mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Giá trị hàng rào được tính như sau: $(18,33m^2 \times 1,8m) \times 157.000\text{đồng}/m^2 \times 95\% = 4.921.000\text{đồng}$ (Bốn triệu chín trăm hai mươi một nghìn đồng) tuy nhiên nguyên đơn tự nguyện bồi thường chi phí tháo dỡ, di dời hàng rào 5000.000đồng (Năm triệu đồng) và bị đơn cũng có ý kiến đề nghị phải bồi thường **chi phí tháo dỡ, di dời hàng rào 5000.000đồng** cần được ghi nhận.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 3.468.000đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn (bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T) có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $70.200.000\text{đồng} + 5000.000\text{đồng} \times 5\% = 3.760.000\text{đồng}$ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Riêng bà Đặng Thị C là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 254 của Bộ luật dân sự; Điều 171 của Luật đất đai năm 2013; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ mở lối đi cho bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T.

Phần lối đi thuộc thửa 15, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị Thu P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lối đi có tổng diện tích diện tích 35,1m² (bao gồm thửa 15 tách 1 và thửa 15 tách 2), chiều cao giới hạn của lối đi là 04m. Lối đi có cạnh như sau:

+ Chiều ngang: cạnh từ vị trí A đến vị trí 4 là 01m + 0,99m và vị trí B đến vị trí 3 là 01m + 1,31m;

+ Chiều dài: cạnh từ vị trí 3 đến vị trí 4 là 16,33m; cạnh từ vị trí A đến vị trí B là 16,72m.

(Có họa đồ kèm theo là một bộ phần không thể tách rời của bản án).

Buộc bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ đập bỏ, tháo dỡ, di dời hàng rào có kết cấu trụ bê tông cốt thép, xây tường lũy cao $\leq 0,8\text{m}$, phía trên kéo lưới B40, hàng rào có chiều dài 16,33m (cạnh phía Bắc) + 01m (cạnh phía Đông) + 1m (cạnh phía Tây), chiều cao 1,8m ra khỏi phần lối đi được mở.

2. Bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B số tiền là **70.200.000đồng (Bảy mươi triệu hai trăm nghìn đồng)** và **chi phí tháo dỡ, di dời hàng rào 5000.000đồng (Năm triệu đồng)**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B đối với phần lối đi mà bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng làm lối đi qua.

Bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B đối với phần lối đi mà bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Đặng Thị C, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho các nguyên đơn số tiền 3.746.000đồng (Ba triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới chịu 3.760.000đồng (Ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 900.000đồng (Chín trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001553, 0001554 và 0001555 cùng ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh

Bến Tre; Bà Diệp Thị Kim H, ông Nguyễn Hoàng T, bà Diệp Thị Kim H, ông Võ Văn K, bà Diệp Thị Kim Đ, ông Nguyễn Văn T còn phải liên đới tiếp tục nộp 2.860.000đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu P và ông Nguyễn Văn B phải liên đới chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tUán sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (01 bản);
- VKSND huyện C (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÀO CHÍ CƯỜNG

